TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2025
"V/v ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Trung

2. Ông Nguyễn Đức Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 727/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H – Sinh năm 1996 (vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Y - sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà H trình bày có nội dung như sau:

Tôi (H) và ông Y tìm hiểu và tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/02/2017.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó, tôi và ông Y phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do

vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được mâu thuẫn. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân, vợ chồng mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, không còn tình cảm gì với nhau, không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn.

Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Tôi và ông Y có một con chung là cháu H1 – Sinh ngày 24/02/2017. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cháu H1 cho đến tuổi trưởng thành. Từ trước đến nay tôi là người thường xuyên chăm sóc cho cháu, hiện nay cháu H1 cũng đang sống cùng với tôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu ông Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Tôi có nơi ở ổn định, có việc làm đảm bảo khả năng nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Y không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Y, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Y không tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H. Chấp nhận bà H được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Chấp nhận giao con chung là cháu H1 – Sinh ngày 24/02/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà H không yêu cầu ông Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Y, cư trú tại Buôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Y đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/02/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà H và ông Y xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân luôn căng thẳng. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Y.

Kết quả xác minh tại địa phương cho biết: Ông Y có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại Buôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, bà H và ông Y phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Ông Y và bà H có một con chung hiện do bà H nuôi dưỡng. Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Y thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Y đến Tòa án để làm việc nhưng ông Y không đến Tòa án làm việc, không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn, Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Y là không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông Y , phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung: Bà H và ông Y có một con chung là cháu H1 – Sinh ngày 24/02/2017. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy ông Y đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến nguyện vọng gì đối với việc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác cháu H1 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (bà H). Do đó vì quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, cần giao con chung là cháu H1 – Sinh ngày 24/02/2017 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Y có nghĩa vụ cấp dưỡng để nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông Y.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Giao con chung là cháu H1 – Sinh ngày 24/02/2017 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Y, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0013701 ngày 09 tháng 10 năm 2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường E, TP.BMT
(GCN kết hôn số 22/2017, ngày 13/02/2017)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Dương